

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 4 năm 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch và ông Đinh Xuân Dâu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976

HKTT và hiện trú tại: Tổ 1, khu 3, ấp T, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Chị Phạm Thị Mộng L, sinh năm 1976

HKTT và hiện trú tại: Số 270, tổ 8, ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

*(Anh B, chị L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn - anh Nguyễn Văn B trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Mộng L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2018 tại UBND xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không

được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay anh B xác định bản thân không còn tình cảm với chị L, cương quyết xin ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009 và Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/4/2002. Khi ly hôn, anh B đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh B không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/4/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: các đương sự khai không có nên không đề cập.

**\* Bị đơn - chị Phạm Thị Mộng L trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân và con chung như anh B trình bày là đúng. Nay anh B yêu cầu ly hôn thì chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì chị là người có đạo Thiên Chúa không được phép ly hôn. Chị L thừa nhận hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, anh B hiện đang sống tại xã L, huyện Long Thành, còn chị và các con đang sống cùng nhau tại ấp T, xã H.

+ Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009 và Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/4/2002. Trường hợp anh B vẫn cương quyết ly hôn thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009 và tạm thời không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/4/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B. Về quan hệ hôn nhân: Anh B được ly hôn với chị L. Về con chung: Giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009, do chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng dân sự:** Anh Nguyễn Văn B khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là chị Phạm Thị Mộng L, cư trú tại: Số 270, tổ 8, ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh B, chị L. Tuy nhiên, anh B và chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1. Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Mộng L** là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

**2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B thì thấy:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do anh B không đồng ý đoàn tụ vì anh không còn tình cảm thương yêu chị L, chị L không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì chị là người có đạo Thiên Chúa không được phép ly hôn. Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, chị L bế tắc và không thuyết phục được anh B trở về đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn và cần chấp thuận cho anh B được ly hôn với chị L.

**2.3. Về con chung:** Cả anh B và chị L đều thống nhất giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Quỳnh A là con gái, hiện đang sống cùng mẹ nên thời điểm hiện nay việc giao cháu Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị L không yêu cầu anh B đóng góp tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/4/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**2.4. Về tài sản chung:** Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Các đương sự khai không có.

**[3] Về án phí:** Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Phạm Thị Mộng L.

- **Về con chung:** Giao cho chị Phạm Thị Mộng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 08/6/2009. Tạm thời chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày: 09/4/2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh B. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0002361 ngày 07 tháng 02 năm 2023.

**3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.**

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã L, huyện Long Thành, Đồng Nai (GCNKH số 107 ngày 15/8/2018);
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Quyên**